

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP TIẾNG ANH NÂNG CAO

Tóm Tắt Cấu Trúc: Adjective + Preposition (Mở Rộng & Luyện Thi)

CEFR Level: B1 - C2 | Adjective + Preposition & Clause Reduction

"Giới từ theo sát tính từ,
Rút gọn câu chữ, văn từ sáng trong!"

1. Công Thức Chuyển Đổi & Rút Gọn

Thay vì dùng một mệnh đề dài dòng sau tính từ, ta có thể rút gọn một cách tinh tế bằng cách sử dụng một giới từ đi kèm với Danh từ hoặc **V-ing**[cite: 45].

- Dạng 1 (Mệnh đề):** **S + be + adj + that-clause** (Ví dụ: *He was delighted that they passed.*)[cite: 45]
- Dạng 2 (Cụm từ rút gọn):** **S + be + adj + prep. + V-ing / Noun** (Ví dụ: *He was delighted about their passing.*)[cite: 45]
- Lưu ý về chủ ngữ:** Nếu chủ ngữ của hai vế khác nhau, ta cần thêm tính từ sở hữu (như *their*) để làm rõ đối tượng thực hiện hành động[cite: 45].

2. Hệ Thống Ví Dụ Minh Họa Mở Rộng (15+ Tình Huống)

Dưới đây là hệ thống ví dụ phong phú kèm theo từ loại (Word Family), bản dịch tiếng Việt theo nguyên tắc "Dịch là Diệt (To translate is the same to kill)" và giải thích chi tiết giúp học sinh luyện thi:

Dạng mệnh đề (Full Clause)	Dạng rút gọn (Adj + Prep + V-ing/Noun)	Word Family	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
He was delighted that they passed[cite: 45].	He was delighted about their passing [cite: 45].	Delight (n, v) (Word Family: <i>delight, delighted, delightful</i>)	Bản dịch: Anh ấy rất vui về việc đỗ đạt của họ[cite: 45]. Giải thích: Dùng "their" trước V-ing vì hai vế khác chủ ngữ[cite: 45].
She is worried that prices will rise.	She is worried about prices rising .	Worry (v, n) (Word Family: <i>worry, worried, worrying</i>)	Bản dịch: Cô ấy lo lắng về việc giá cả tăng lên. Giải thích: Rút gọn mệnh đề sau tính từ "worried about".
They were surprised that he won the prize.	They were surprised at his winning the prize .	Surprise (n, v) (Word Family: <i>surprise, surprised, surprising</i>)	Bản dịch: Họ ngạc nhiên trước việc anh ấy giành giải thưởng. Giải thích: Dùng "his" làm chủ ngữ cho danh động từ "winning".
I am interested that you study art.	I am interested in your studying art .	Interest (n, v) (Word Family: <i>interest, interested, interesting</i>)	Bản dịch: Tôi hứng thú với việc bạn học nghệ thuật. Giải thích: Giới từ "in" đi kèm tính từ "interested".
We are proud that our team succeeded.	We are proud of our team's success .		Bản dịch: Chúng tôi tự hào về sự thành công của đội mình. Giải thích: Chuyển mệnh đề

Dạng mệnh đề (Full Clause)	Dạng rút gọn (Adj + Prep + V-ing/Noun)	Word Family	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
		Pride (n), Proud (adj) (Word Family: <i>pride, proud, proudly</i>)	thành cụm danh từ với "proud of".
He was afraid that he might fail the test.	He was afraid of failing the test .	Fear (n, v), Afraid (adj) (Word Family: <i>fear, fearful, afraid</i>)	Bản dịch: Anh ấy sợ hãi việc trượt bài kiểm tra. Giải thích: Cùng chủ ngữ nên dùng trực tiếp "failing".
She is angry that they broke the rule.	She is angry about their breaking the rule .	Anger (n), Angry (adj) (Word Family: <i>anger, angry, angrily</i>)	Bản dịch: Cô ấy tức giận về việc họ phá vỡ quy tắc. Giải thích: Dùng "their" để chỉ rõ đối tượng vi phạm.
They were disappointed that the show was canceled.	They were disappointed at the show's cancellation .	Disappoint (v) (Word Family: <i>disappoint, disappointed, disappointment</i>)	Bản dịch: Họ thất vọng về việc chương trình bị hủy bỏ. Giải thích: Rút gọn thành danh từ sở hữu cách.
I am certain that she will come.	I am certain of her coming .	Certitude (n), Certain (adj) (Word Family: <i>certain, certainly, certainty</i>)	Bản dịch: Tôi chắc chắn về việc cô ấy sẽ đến. Giải thích: Giới từ "of" đi với tính từ "certain".
He was tired that he had worked all night.	He was tired from working all night .	Tire (v), Tired (adj) (Word Family: <i>tire, tired, tiring</i>)	Bản dịch: Anh ấy mệt mỏi vì làm việc suốt đêm. Giải thích: Dùng giới từ "from" chỉ nguyên nhân mệt mỏi.
We are responsible that the project is safe.	We are responsible for the project's safety .	Responsibility (n) (Word Family: <i>responsible, responsibly, responsibility</i>)	Bản dịch: Chúng tôi chịu trách nhiệm về sự an toàn của dự án. Giải thích: Cấu trúc "responsible for" đi với danh từ.
She is famous that she sings well.	She is famous for her good singing .	Fame (n), Famous (adj) (Word Family: <i>fame, famous, famously</i>)	Bản dịch: Cô ấy nổi tiếng vì giọng ca hay của mình. Giải thích: Chuyển mệnh đề thành cụm danh từ bổ nghĩa.
They were shocked that the news was true.	They were shocked at the truth of the news .	Shock (n, v) (Word Family: <i>shock, shocked, shocking</i>)	Bản dịch: Họ bị sốc trước sự thật của bản tin. Giải thích: Giới từ "at" với tính từ "shocked".
I am grateful that you helped me.	I am grateful to you for your help .	Gratitude (n) (Word Family: <i>grateful, gratefully, gratitude</i>)	Bản dịch: Tôi rất biết ơn bạn vì sự giúp đỡ của bạn. Giải thích: Kết hợp cấu trúc tính từ với hai giới từ.
He was successful that he passed the exam.	He was successful in passing the exam .	Success (n), Succeed (v)	Bản dịch: Anh ấy đã thành công trong việc vượt qua kỳ thi.

Dạng mệnh đề (Full Clause)	Dạng rút gọn (Adj + Prep + V-ing/Noun)	Word Family	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
		(Word Family: success, successful, succeed)	Giải thích: Giới từ "in" đi kèm tính từ "successful".

3. Các Lưu Ý Quan Trọng & Lợi Ích

- **Lựa chọn giới từ:** Mỗi tính từ sẽ đi kèm với một (hoặc vài) giới từ cố định (ví dụ: *surprised at*, *interested in*, *worried about*)[cite: 45].
- **Sự tương xứng về nghĩa:** Khi chuyển sang dạng V-ing, nếu chủ ngữ của hai vế khác nhau, ta cần thêm tính từ sở hữu (như *their*) để làm rõ đối tượng thực hiện hành động[cite: 45].
- **Tính ngắn gọn:** Giúp câu văn cô đọng, tránh lặp lại từ "that"[cite: 45].
- **Chuyên nghiệp:** Thường được ưu tiên trong văn viết (Academic Writing) để tạo độ trang trọng[cite: 45].

Chương trình tiếng Anh tương tác **"From ZERO to MASTER"** chạy trên các trình duyệt hiện đại (Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera)[cite: 45].

Mọi thắc mắc xin liên hệ: **Mr. Lê Đại Phong** |  Phone & Zalo: **0971386608** |  Email: **typhoon620@gmail.com**[cite: 45]

Luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp 12 tại: www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE** ➡[cite: 45]